

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024
huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2024; danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất năm 2030 của huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ea Súp;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Ea Súp tại Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 22/12/2023; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 454/TTr-STNMT ngày 27/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ea Súp với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch 2024:

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích (1+2+3)		176.531,73	
1	Đất nông nghiệp	NNP	160.031,43	90,65
+	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	10.762,55	6,10
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	5.796,17	3,28
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	36.523,09	20,69
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	35.238,54	19,96
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.048,52	2,86
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	14.298,82	8,10
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	57.642,60	32,65
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	48.417,42	27,43
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	173,27	0,10
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	344,05	0,19
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	10.616,56	6,01
+	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	869,83	0,49
2.2	Đất an ninh	CAN	11,77	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	22,02	0,01
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,44	0,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	70,41	0,04
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	10,15	0,01
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	77,28	0,04
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.184,87	2,37
+	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	2.217,52	1,26
-	Đất thủy lợi	DTL	609,57	0,35
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,18	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,40	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	73,45	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	18,86	0,01
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1.093,87	0,62
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,38	0,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,45	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Tỷ lệ (%)
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	19,76	0,01
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	128,43	0,07
-	Đất chợ	DCH	5,99	0,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,90	0,01
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,50	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	701,31	0,40
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	89,32	0,05
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,70	0,01
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,85	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.294,95	1,30
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2.224,63	1,26
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5.883,74	3,33

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	TỔNG DIỆN TÍCH		230,69
1	Đất nông nghiệp	NNP	175,55
+	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	18,48
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	18,48
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	85,85
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	46,98
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,70
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	23,50
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	23,50
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	52,47
-	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,02
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,30
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	45,29
+	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	42,14
-	Đất thủy lợi	DTL	1,23

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1,84
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,08
2.6	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,19
2.7	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,96
2.8	Đất ở tại đô thị	ODT	1,06
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,13
2.10	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,47
2.11	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,05
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2,67

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	321,42
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	18,61
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>5,83</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	114,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	129,69
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,70
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	25,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	30,17
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>30,17</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	3,05
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		197,55
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	2,18
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	195,37
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	Tổng		66,98
1	Đất nông nghiệp	NNP	64,23
+	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	26,23
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	38,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,75
+	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,08
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,67
+	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	1,44
-	Đất thủy lợi	DTL	1,23

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

2.1. UBND huyện Ea Súp có trách nhiệm:

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ea Súp, danh mục công trình, dự án sử dụng đất phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; thông báo thu hồi đất cho người sử dụng đất có đất bị thu hồi biết theo đúng nội dung và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật Đất đai trước khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện công trình, dự án;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt; khi thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phải đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chí theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về đất đai;

- Thông báo cho chủ đầu tư dự án thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp, thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất; đối với các dự án trọng điểm, cấp bách, đầu tư công, công trình an ninh, quốc phòng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ea Súp được phê duyệt nhưng hiện tại chưa thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch khác thì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo trước khi triển khai thực hiện;

- Đối với danh mục dự án sử dụng đất có nguồn gốc đất thu hồi của các Công ty nông, lâm nghiệp giao cho địa phương quản lý chỉ được triển khai thực hiện khi danh mục dự án có sử dụng đất phù hợp với phương án sử dụng đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không thuộc quy hoạch ba loại rừng;

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; tăng cường thanh tra, kiểm tra đất đai, thực hiện nghiêm Chi thị số 09/2014/CT-UBND ngày 15/10/2014 của UBND tỉnh, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được duyệt đối với nguồn gốc sử dụng đất, vị trí, diện tích các công trình, dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ea Súp; về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ và phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ea Súp về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 31/01/2025 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả thẩm định Kế hoạch sử dụng đất 2024 huyện Ea Súp tại Tờ trình số 454/TTr-STNMT ngày 27/12/2023.

2.3. Giao Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh) đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Ea Súp; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KT, NNMT (TLC-07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn